TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/4/2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Hoàng Lan Chi**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Phạm Thị Bích Hợp**

2. Bà Nguyễn Thị Huyền Nga

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Lài** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: **Bà Vũ Thị Khánh** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 755/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc: Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXX-ST ngày 21 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/4/2023 giữa các đương sự:

* <u>*Nguyên đơn*</u>: **Chị Bùi Thị H** – Sinh năm: 199X (Có mặt)

Địa chỉ thường trú và cư trú: Số A ngách B phố Y, Tổ C phường L, quận T, thành phố Hà Nội.

* <u>*Bị đơn*</u>: **Anh Phạm Hiếu N** – Sinh năm: 199X (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Số X phố Z, phường D, quận T, thành phố Hà Nội

Nơi cư trú: Số A ngách B phố Y, Tổ C phường L, quận T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

<u>*Tại Đơn xin ly hôn ngày 20/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Bùi Thị H trình bày*</u>:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Hiếu N kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/5/2019 tại UBND phường D, quận T, thành phố Hà Nội. Trước đó chưa ai có vợ có chồng. Thực tế anh chị đã chung sống với nhau từ năm 2015, đến năm 2017 thì anh chị tổ chức đám cưới, năm 2018 thì chị sinh con nhưng đến năm 2019 anh chị mới đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính cách, cách sống, quan điểm sống không

phù hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không chia sẻ được với nhau trong cuộc sống. Anh N không tu chí làm ăn, mải chơi, không có sự quan tâm trách nhiệm lo lắng cho gia đình vợ con. Mọi chi phí, công việc lớn nhỏ trong gia đình đều do chị lo gánh vác. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị H đã nhiều lần nói chuyện, khuyên giải nhưng anh N không thay đổi. Hàng năm anh chị đều sống ly thân một thời gian khoảng vài tháng xong lại thôi, vì nghĩ thương con còn nhỏ nên chị lại cố gắng bỏ qua để duy trì hình bóng gia đình cho con. Đến nay chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu và ngày càng trầm trọng, căng thẳng, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh N, cuộc sống chung không có hạnh phúc, tuy anh chị vẫn sống chung cùng một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm, kinh tế riêng biệt, anh chị hiện sống ly thân mỗi người ở một tầng, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn không thể khắc phục được, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được nữa, vì vậy chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N để được ổn định cuộc sống cả hai bên.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung tên là Phạm Quốc T, sinh ngày 11/6/2018, sức khỏe của cháu bình thường, cháu đang ở cùng anh chị. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung vì cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị làm nghề kinh doanh tự do về quần áo thời trang có mức thu nhập khoảng 50.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu không thỏa thuận được chị H sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Về công nợ: Chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu không thỏa thuận được chị H sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Ngoài ra chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Bị đơn – Anh Phạm Hiếu N:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh Phạm Hiếu N đến Tòa án để lấy lời khai, giao nộp chứng cứ, anh N đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh N và không tiến hành hoà giải được vụ án hôn nhân gia đình.

***Tại phiên tòa*:**

- Chị H vẫn giữ nguyện vọng xin ly hôn. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu và ngày càng trầm trọng, căng thẳng, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được nữa. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N để được ổn định cuộc sống còn nuôi dạy con. Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung, công nợ, chị vẫn giữ nguyện vọng như đã trình bày. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có lời khai gửi Toà án và không đến Toà án giải quyết vì vậy Toà án không lấy được lời khai của anh N và không tiến hành hoà giải được vụ án ly hôn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị H. Về con chung, giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh N kể từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, nhà ở chung, về công nợ, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản, nhà ở và những yêu cầu khác khi anh N có đơn yêu cầu. Về án phí, chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] <u>Về tố tụng</u>:

Bị đơn – anh Phạm Hiếu N có địa chỉ thường trú tại: Số X phố Z, phường D, quận T, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số A ngách B phố Y, Tổ C phường L, quận T, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

Sau khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình trên, TAND quận Hai Bà Trưng đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án, đã tống đạt, niêm yết hợp lệ cho anh Phạm Hiếu N. Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo của Toà án, anh N không nộp (gửi) cho Toà án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H và cũng không gửi cho Toà án tài liệu, chứng cứ bảo vệ cho quyền lợi của mình.

TAND quận Hai Bà Trưng đã ra Thông báo đến Toà án lấy lời khai và giao nộp chứng cứ, ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã tống đạt, niêm yết hợp lệ cho các đương sự theo quy định của pháp luật, nhưng anh N không có mặt, do vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh N và không tiến hành hòa giải được vụ án hôn nhân gia đình.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Phạm Hiếu N theo quy định pháp luật nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử

căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] <u>Về nội dung vụ án</u>:

2.1. *<u>Về hôn nhân</u>:* Chị Bùi Thị H và anh Phạm Hiếu N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/5/2019 tại UBND phường D, quận T, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân của Chị H và Anh N:

Theo Chị H trình bày: Thực tế anh chị đã chung sống với nhau từ năm 2015, đến năm 2017 thì anh chị tổ chức đám cưới, năm 2018 thì chị sinh con nhưng đến năm 2019 anh chị mới đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính cách, cách sống, quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không chia sẻ được với nhau trong cuộc sống. Anh N không tu chí làm ăn, mải chơi, không có sự quan tâm trách nhiệm lo lắng cho gia đình vợ con. Mọi chi phí, công việc lớn nhỏ trong gia đình đều do chị lo gánh vác. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị H đã nhiều lần nói chuyện, khuyên giải nhưng anh N không thay đổi. Hàng năm anh chị đều sống ly thân một thời gian khoảng vài tháng xong lại thôi, vì nghĩ thương con còn nhỏ nên chị lại cố gắng bỏ qua để duy trì hình bóng gia đình cho con. Đến nay chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu và ngày càng trầm trọng, căng thẳng, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh N, cuộc sống chung không có hạnh phúc, tuy anh chị vẫn sống chung cùng một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm, kinh tế riêng biệt, anh chị hiện sống ly thân mỗi người ở một tầng, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn không thể khắc phục được, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được nữa, vì vậy chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N để được ổn định cuộc sống cả hai bên.

Tài liệu do Toà án thu thập chứng cứ tại địa phương nơi chị H và anh N sinh sống thể hiện: Quá trình anh chị chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn chủ yếu trong nội bộ gia đình, không biểu hiện ra bên ngoài. Theo chị H trình bày thì mâu thuẫn vợ chồng do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau nên hiện nay vợ chồng sống ly thân với nhau. Chị H có đơn xin ly hôn anh N, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét tình trạng hôn nhân của chị H và anh N là căng thẳng, mâu thuẫn đã trầm trọng không giải quyết khắc phục được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mặc dù vẫn sống chung cùng một nhà nhưng vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một tầng, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. *Về con chung:* Chị H và anh N có 01 con chung tên là Phạm Quốc T, sinh ngày 11/6/2018, sức khỏe của cháu bình thường, cháu đang ở cùng anh chị. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung vì cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị làm nghề kinh doanh tự do về quần áo thời trang có mức thu nhập khoảng 50.000.000 đồng/tháng.

Xét việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng khi ly hôn cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Anh N, chị H hiện không chung sống với nhau, chị H vẫn đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Hiện chị H làm nghề kinh doanh tự do về quần án thời trang có mức thu nhập khoảng 50.000.000 đồng/tháng. Chị H có nơi ở và thu nhập ổn định. Nguyện vọng được nuôi con chung của chị H là chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh N kể từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

2.3. *Về tài sản chung, nhà ở chung:* Chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu không thỏa thuận được chị H sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. *Về công nợ*: Chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu không thỏa thuận được chị H sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau. Ngoài ra chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

2.5. Anh N không có ý kiến về tài sản, nhà ở và công nợ của vợ chồng do vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản, nhà ở và những yêu cầu khác khi anh N có đơn yêu cầu.

2.6. *Về án phí và quyền kháng cáo:*

Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Chị H, anh N có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 72; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị H đối với anh Phạm Hiếu N. Chị H được ly hôn anh N.

2. *Về con chung:* Chị H và anh N có 01 con chung tên là Phạm Quốc T, sinh ngày 11/6/2018.

Giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh N kể từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. *Về tài sản chung, nhà ở chung:* Chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu không thỏa thuận được chị H sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về công nợ*: Chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu không thỏa thuận được chị H sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản, nhà ở và những yêu cầu khác cho anh Phạm Hiếu N khi anh có đơn yêu cầu.

6. *Về án phí:* Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2020/0013099 ngày 26/12/2022 của Cơ quan Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Bùi Thị H, vắng mặt anh Phạm Hiếu N. Chị H có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Hai Bà Trưng;
- UBND phường D, quận T, Hà Nội
(Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2019 ngày 13/5/2019)
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Lan Chi